

# CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH ĐẠI NAM GROUP

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH ĐẠI NAM GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400852281

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2018

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 63 đường Phồn Xương, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0989211994

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                           | 7721     |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn và nhà nghỉ                                                                                                 | 5510     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102     |
| 4.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                   | 5021     |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4543     |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 8.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                          | 6619     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669     |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210     |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659     |
| 15. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Xe đạp điện, xe máy, điện thoại, ti vi, tủ lạnh, điều hòa, giường tủ, quần áo.                                   | 7729     |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |
| 17. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511     |

|     |                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 19. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>( không bao gồm hoạt động đấu giá )                                                                                                                            | 4513        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                          | 4299        |
| 22. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>( không bao gồm hoạt động đấu giá )                                                                                                                  | 4512        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                             | 5630        |
| 24. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,<br>chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                            | 6810        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 26. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                          | 9000        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                                                                                              | 4931        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                             | 4663        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                    | 5610        |
| 30. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                     | 0810        |
| 31. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 32. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 34. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 35. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 37. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn tài chính                                                                                                                                    | 7020(Chính) |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                    | 4932        |
| 39. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                   | 4541        |
| 40. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 41. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 42. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 43. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                       | 9321        |
| 44. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                      | 4520        |
| 45. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>( không bao gồm đấu giá tài sản )                                                                                           | 6820        |
| 46. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trò chơi điện tử, máy bắn cá, máy quay thú, máy<br>quay sư tử, máy bóng, nhà bóng, nhà phao, máy gấp thú bông,<br>máy đập thú. | 9329        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯỜNG CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/05/1994 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122165676

Ngày cấp: 12/11/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63 đường Phồn Xương, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 63 đường Phồn Xương, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG CHIẾN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/05/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122165676

Ngày cấp: 12/11/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63 đường Phồn Xương, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 63 đường Phồn Xương, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang